

CÂU HỎI ÔN TẬP

Chương 1: Tổng quan về tài chính quốc tế

Câu 1: Trình bày các quan điểm và khái niệm tài chính quốc tế?

Câu 2: Phân tích các đặc điểm của tài chính quốc tế?

Câu 3: Phân tích vai trò của tài chính quốc tế?

Câu 4: Nêu các chủ thể tham gia và các giao dịch tài chính quốc tế mà các chủ thể này thực hiện?

Câu 5: Trình bày khái quát các giao dịch tài chính quốc tế theo một số tiêu thức phân loại?

Câu 6: Trình bày những đặc điểm cơ bản của thanh toán quốc tế? Chỉ ra những điểm khác nhau giữa thanh toán quốc tế và thanh toán nội địa?

Câu 7: Trình bày nội dung cơ bản của đầu tư quốc tế? Chỉ ra những điểm khác nhau giữa đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp nước ngoài?

Câu 8: Trình bày những nội dung cơ bản của tín dụng quốc tế và chuyển giao quốc tế một chiều? Chỉ ra những điểm khác nhau giữa hai giao dịch tài chính quốc tế này?

Chương 2: Thị trường ngoại hối (FOREX)

Câu 1: Trình bày khái niệm, chức năng và đặc điểm của Forex?

Câu 2: Trình bày các thành viên tham gia Forex?

Câu 3: Trình bày các cách phân loại thị trường ngoại hối?

Câu 4: Nêu khái niệm và các loại tỉ giá?

Câu 5: Các chế độ tỉ giá và chính sách điều hành tỉ giá? Liên hệ thực tế chính sách điều hành tỉ giá ở Việt Nam hiện nay?

Câu 6: Trình bày các cách biểu thị tỉ giá và phương pháp niêm yết tỉ giá? Cho ví dụ? Liên hệ thực tế niêm yết tỉ giá của các NHTM Việt Nam hiện nay?

Câu 7: Thế nào là tỉ giá chéo? Ý nghĩa của việc xác định tỉ giá chéo? Phương pháp xác định tỉ giá chéo? Cho ví dụ minh họa?

Câu 8: Trình bày khái niệm, đặc điểm và khả năng vận dụng các nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối? Cho ví dụ minh họa? Phân biệt sự giống và khác nhau giữa các nghiệp vụ? Liên hệ thực tế việc cung ứng các dịch vụ kinh doanh ngoại hối của các NHTM Việt Nam hiện nay?

Chương 3: Thanh toán quốc tế

Câu 1: Trình bày khái niệm, đặc điểm và vai trò của thanh toán quốc tế?

Câu 2: Trình bày các tiêu thức phân loại thanh toán quốc tế? Ý nghĩa của việc nghiên cứu?

Câu 3: Trình bày khái niệm, các loại hiệp định thanh toán quốc tế? Những nội dung chủ yếu của Hiệp định Clearing song biên?

Câu 4: Nêu khái niệm phương thức thanh toán quốc tế? Trình bày khái niệm, quy trình thanh toán quốc tế theo các phương thức: chuyển tiền, ghi sổ, nhờ thu, tín dụng chứng từ? Ưu nhược điểm của mỗi phương thức? Liên hệ thực tế việc sử dụng các phương thức

thanh toán này trong thanh toán quốc tế của Việt Nam?

Chương 4: Đầu tư quốc tế

Câu 1: Trình bày khái niệm, đặc điểm và vai trò của FDI? Liên hệ thực tế vai trò của FDI của Việt Nam?

Câu 2: Trình bày các hình thức FDI? Liên hệ thực tế hoạt động FDI ở Việt Nam?

Câu 3: Phân tích các yếu tố tác động đến việc đánh giá và lựa chọn dự án FDI?

Câu 4: Trình bày những nội dung cơ bản của phương pháp NPV trong đánh giá và lựa chọn dự án FDI?

Câu 5: Phân tích những khó khăn trong đánh giá dự án FDI? Cho ví dụ minh họa?

Câu 6: Trình bày khái niệm và đặc điểm của FPI? Liên hệ thực tế FPI qua thị trường chứng khoán Việt Nam?

Câu 7: Phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của FPI?

Câu 8: Các lợi ích và rủi ro trong FPI? Phân tích các yếu tố tác động đến quyết định lựa chọn đầu tư trong nước và nước ngoài? Cho ví dụ minh họa?

Chương 5: Tín dụng quốc tế

Câu 1: Trình bày khái niệm, các cách phân loại và vai trò của TDQT?

Câu 2: Trình bày khái niệm và phân loại trái phiếu quốc tế?

Câu 3: Phân tích các điều kiện phát hành trái phiếu quốc tế? Liên hệ thực tiễn các quy định của Việt Nam hiện nay?

Câu 4: Trình bày quy trình phát hành trái phiếu quốc tế?

Câu 5: Phân tích các yếu tố tác động đến chi phí và quyết định vay nợ nước ngoài? Cho ví dụ minh họa?

Câu 6: Thế nào là nợ nước ngoài? Giới thiệu những nội dung cơ bản của việc điều chỉnh quan hệ tín dụng quốc tế thông qua các Câu lạc bộ London & Paris ?

Chương 6: Viện trợ phát triển chính thức

Câu 1: Trình bày khái niệm và các hình thức viện trợ quốc tế? Liên hệ thực tế của Việt Nam?

Câu 2: Trình bày khái niệm, đặc điểm và phân loại ODA?

Câu 3: Phân tích vai trò của ODA trên 2 góc độ tiếp cận: chủ thể hỗ trợ và chủ thể nhận hỗ trợ?

Câu 4: Trình bày những nội dung cơ bản của vận động, kí kết các điều ước ODA?

Câu 5: Trình bày khái niệm, các hình thức và quy trình giải ngân nguồn vốn ODA?

Câu 6: Trình bày các chỉ tiêu và phân tích các yếu tố tác động đến tiến độ giải ngân nguồn vốn ODA?

Câu 7: Trình bày những nội dung cơ bản trong quản lí sử dụng và trả nợ ODA?

Chương 8: Thuế quan và liên minh thuế quan

Câu 1: Trình bày khái niệm, đặc điểm của thuế quan?

Câu 2: Trình bày các dạng thuế quan và vai trò của thuế quan?

Câu 3: Giới thiệu những nội dung cơ bản của thuế quan hiện hành ở Việt Nam?

Câu 4: Trình bày khái niệm và vai trò của liên minh thuế quan?

Câu 5: Trình bày những nội dung cơ bản của hiệp định tránh đánh trùng thuế? Liên hệ thực tế về việc kí kết các Hiệp định tránh đánh trùng thuế của Việt Nam?

Câu 6: Trình bày những quy định cơ bản về thuế quan trong tổ chức thương mại thế giới (WTO)?

Chương 9: Cán cân thanh toán quốc tế (BP)

Câu 1: Trình bày khái niệm, các bộ phận và ý nghĩa của BP? Liên hệ thực tế BP của Việt Nam?

Câu 2: Trình bày các bộ phận của BP? Liên hệ thực tế của Việt Nam?

Câu 3: Thế nào là thặng dư và thâm hụt BP? Phân tích các tác động của thực trạng BP đến hoạt động kinh tế đối ngoại? Liên hệ thực tế Việt Nam?

Câu 4: Phân tích các biện pháp điều chỉnh BP? Liên hệ thực tế ở Việt Nam?

BÀI TẬP TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Bài 1

Giả sử ngân hàng không thu phí giao dịch của khách hàng khi mua bán ngoại tệ mà sử dụng chênh lệch giữa giá bán và giá mua để bù đắp chi phí. Hãy xác định mức phí giao dịch (%) từ các tỉ giá liệt kê dưới đây và điền kết quả vào cột kế bên.

Yết giá	Phí giao dịch (%)
USD/VND = 17100-17135	
GBP/USD = 1,7555-75	
EUD/USD = 1,3155-80	
AUD/USD = 0,7495-25	
USD/JPY = 101,55-101,95	

Bài 2

Dựa vào bảng niêm yết tỉ giá và lãi suất dưới đây, xác định và điền vào chỗ trống những tỉ giá kì hạn để hoàn tất bảng niêm yết tỉ giá cho 2 trường hợp sau :

- Sử dụng công thức xác định tỉ giá kì hạn theo thông lệ quốc tế
- Sử dụng công thức xác định tỉ giá kì hạn áp dụng ở Việt Nam

Tỉ giá	Mua	Bán
USD/VND	15.730	15.761
USD/JPY	106,68	106,73
JPY/VND	147,38	147,74
Lãi suất	Tiền gửi	Cho vay
USD	1,55%/ năm	3,55%/ năm
VND	0,55%/ tháng	0,75%/ tháng
JPY	2,12%/ năm	3,12%/ năm
Tỉ giá kì hạn	Mua	Bán
USD/VND kì hạn 30 ngày		
JPY/VND kì hạn 72 ngày		
USD/VND kì hạn 3 tháng		

Bài 3

Có bảng niêm yết tỉ giá và lãi suất của ngân hàng ngày 20/11/N như sau :

Tỉ giá	Mua/ Bán	Lãi suất	Gửi/ Cho vay (%/năm)
GBP/USD	1,7458-60	GBP	4,15-5,25
USD/JPY	121,17-21	USD	3,24-4,18
EUR/USD	1,1695-03	JPY	4,2-5,2
AUD/USD	0,6547-52	AUD	2,85-3,56
USD/SGD	1,4356-67	EUR	3,67-4,43
USD/CAD	1,2312-15	VND	8,5-11,0

Tỉ giá giữa	Mua vào	Mua vào	Bán ra
-------------	---------	---------	--------

ngoại tệ với VND	tiền mặt	chuyển khoản	
AUD	11.856,34	11.927,91	12.047,79
CAD	13.637,24	13.761,09	13.954,9
EUR	19.390,66	19.449,01	19.683,81
GBP	28.028,22	28.225,8	28.731,76
JPY	136,46	137,84	140,06
SGD	9.670,73	9.738,9	9.895,98
USD	15.895	15.913	15.923

Hãy xác định tỉ giá kì hạn để hoàn tất bảng niêm yết tỉ giá dưới đây :

Tỉ giá kì hạn	Mua	Bán
USD/VND kì hạn 86 ngày		
EUR/AUD kì hạn 3 tháng		
JPY/VND kì hạn 72 ngày		
EUR/VND kì hạn 35 ngày		
GBP/JPY kì hạn 67 ngày		
AUD/JPY kì hạn 85 ngày		

Bài 4

Công ty cổ phần thương mại Thái Dương có số dư tài khoản tiền gửi ngoại tệ và nội tệ cuối ngày 31/8/X tại ngân hàng là 5.000.000 EUR và 80.000.000 VND. Trong ngày 1/9/X công ty có các nghiệp vụ kinh tế sau phát sinh:

- Thu tiền hàng xuất khẩu với số tiền: 200.000 USD
- Thanh toán hàng nhập khẩu với số tiền 500.000 CAD.
- Mua kỳ phiếu thời hạn 3 tháng là 30.000.000 VND.
- Ký quỹ mở L/C theo hợp đồng nhập khẩu đã ký với số tiền 3.000.000 HKD.
- Số dư tài khoản tiền gửi ngoại tệ còn lại công ty chuyển thành JPY.

Yêu cầu: Xác định số dư tài khoản tiền gửi ngoại tệ (JPY) và nội tệ (VND) cuối ngày 1/9/X của công ty?

Biết rằng:

- Ngày 1/9/X ngân hàng công bố tỷ giá như sau:

EUR/VND	=	27.310,53-27.360,85
CAD/VND	=	9.453,59-9.496,40
USD/VND	=	18.155,00-18.173,00
HKD/VND	=	2.916,49-2.930,00
JPY/VND	=	155,75-157,50

- Công ty được phép mua bán ngoại tệ theo tỷ giá ngân hàng công bố.
- Việc thanh toán tiền hàng nhập khẩu và ký quỹ mở L/C được chuyển đổi từ ngoại tệ.

Bài 5

Một công ty thương mại có số dư tài khoản tiền gửi ngoại tệ và nội tệ đầu ngày 1/9/X là 1.000.000 EUR và 200.000.000 VND. Trong ngày 1/9/X có các nghiệp vụ kinh tế sau phát sinh:

- Thanh toán tiền mua hàng xuất khẩu là 100.000.000 VND.
- Góp vốn liên doanh là 10.000.000 JPY
- Nhận được giấy báo Có với số tiền 150.000 CHF
- Cuối ngày chuyển toàn bộ số ngoại tệ còn lại thành EUR.

Yêu cầu: Xác định số dư tài khoản tiền gửi ngoại tệ (EUR) và nội tệ (VND) cuối ngày 1/9/X của công ty nói trên.

Biết rằng: - Tỷ giá hối đoái ngày 1/9/X như sau:

EUR/USD	=	1,2775-85
USD/VND	=	16.435,20-16.442,90
USD/JPY	=	132,70-95
USD/CHF	=	1,6637-43

- Số tiền góp liên doanh được chuyển đổi từ EUR.

Bài 6

Một công ty thương mại có số dư tài khoản tiền gửi ngoại tệ đầu ngày 1/10/X là 1.000.000 GBP. Trong ngày 1/10/X có các nghiệp vụ kinh tế sau phát sinh:

- Trả tiền nhập khẩu hàng hoá với số tiền là 300.000 CHF.
- Mua kỳ phiếu 6 tháng là 50.000.000 VND
- Nhận được giấy báo Có của ngân hàng là 50.000 AUD.
- Số tiền còn lại trên tài khoản chuyển toàn bộ thành USD.

Yêu cầu: Xác định số dư tài khoản tiền gửi USD của công ty cuối ngày 1/10/X.

Biết rằng: Ngày 1/10/X ngân hàng công bố tỷ giá như sau:

AUD/USD	=	0,5302-07
USD/VND	=	16.455-16.473
USD/CHF	=	1,6637-43
GBP/USD	=	1,6255-60

(Công ty được phép mua bán ngoại tệ theo tỷ giá ngân hàng công bố)

Bài 7

Một công ty thương mại có số dư tài khoản tiền gửi ngoại tệ đầu ngày 1/9/X là 1.200.000 CAD. Trong ngày 1/9/X có các nghiệp vụ kinh tế sau phát sinh:

- Thanh toán hàng nhập khẩu với số tiền 5.000.000 JPY
- Nhận được giấy báo Có của ngân hàng với số tiền 1.000.000 CHF
- Ký quỹ mở L/C để nhập khẩu hàng hoá với số tiền 80.000 GBP.
- Cuối ngày chuyển toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi ngoại tệ sang HKD.

Yêu cầu: Xác định số dư tài khoản tiền gửi HKD của công ty cuối ngày 1/9/X.

Biết rằng: Tỷ giá hối đoái ngày 1/9/X như sau:

USD/CAD	=	1,5765-75
GBP/USD	=	1,7295-15
GBP/VND	=	29.336,24-30.486,65
JPY/VND	=	142,63-143,77
GBP/CHF	=	2,3642-65
USD/HKD	=	7,9097-30

Bài 8

Công ty cổ phần thương mại Tây Đô có số dư tài khoản tiền gửi ngoại tệ đầu ngày 5/1/X là 5.000.000 EUR. Trong ngày 5/1/X có các nghiệp vụ kinh tế sau phát sinh:

- Nhận được giấy báo Có của ngân hàng với số tiền: 10.000 USD
- Công ty ký quỹ mở L/C với số tiền là 200.000 AUD.
- Trả tiền nhập khẩu theo hồi phiếu trả tiền ngay với số tiền là 20.000.000 JPY
- Số tiền còn lại công ty chuyển thành HKD để góp vốn liên doanh với tập đoàn Sun.Corp Hongkong.

Yêu cầu: Xác định số HKD mà công ty cổ phần thương mại Tây Đô chuyển đổi được trong ngày 5/1/X.

Biết rằng: Tại thời điểm 5/1/X tỷ giá hối đoái như sau:

USD/AUD	=	1,8860 - 90
USD/HKD	=	7,9097 - 30
USD/VND	=	15.155,00 - 15.173,00
JPY/VND	=	132,90 - 133,05
EUR/AUD	=	1,6768 - 90

Bài 9

Công ty Conan Corp có nhu cầu vay 100.000GBP thời hạn 6 tháng của Ngân hàng Việt Á. Để đáp ứng nhu cầu của khách hàng, Việt Á quyết định bán ra một lượng USD với tỉ giá GBP/USD = 1,7698-03 cho Ngân hàng Đông Á, đồng thời kí hợp đồng kì hạn 6 tháng mua lượng USD nói trên với chính Đông Á để phòng ngừa rủi ro USD tăng giá so với GBP trong tương lai. Tính kết quả kinh doanh của Việt Á. Biết rằng : lãi suất GBP là 3,25-3,5% và lãi suất USD là 4,15-5%/ năm.

Bài 10

Công ty Conan Corp có nhu cầu vay 150.000 GBP thời hạn 6 tháng của Ngân hàng Liên Việt để thanh toán tiền hàng nhập khẩu. Để đáp ứng nhu cầu của khách hàng, Liên Việt quyết định mua GBP bằng USD tại Ngân hàng ANZ Việt Nam theo tỉ giá niêm yết của ANZ là GBP/USD = 1,7698-03. Đồng thời, để đảm bảo duy trì số dư USD và phòng ngừa rủi ro USD tăng giá so với GBP trong tương lai, Liên Việt kí hợp đồng kì hạn 6 tháng với chính ANZ mua lượng USD đã bỏ ra để mua 150.000 GBP cho nghiệp vụ nêu trên.

Yêu cầu: Xác định tỉ giá kì hạn 6 tháng GBP/USD của Ngân hàng ANZ Việt Nam và tính kết quả kinh doanh của Ngân hàng Liên Việt từ các nghiệp vụ kinh doanh nêu trên. Biết rằng: lãi suất kì hạn 6 tháng đối với GBP trên thị trường hiện tại là 3,25-3,5% /năm và lãi suất USD là 4,15-5%/ năm. Số USD Liên Việt sử dụng để mua GBP là nguồn vốn tiền gửi ngân hàng huy động kì hạn 6 tháng.

Bài 11

Giả sử có một thị trường tương lai đang hoạt động tại Việt Nam. Ngày 5/1/N, công ty A mua và công ty B bán một hợp đồng tương lai trị giá 50.000 USD, với tỉ giá 15.730 VND/ USD. Dựa vào tỉ giá giao dịch cuối ngày được phản ánh trong bảng dưới đây, hãy

xác định các giao dịch thanh toán xảy ra hàng ngày tại Trung tâm thanh toán. Với giả thiết, Trung tâm thanh toán yêu cầu các nhà đầu tư thị trường tương lai phải đảm bảo mức kí quỹ lần đầu là 5 triệu đồng và duy trì ở mức tối thiểu 2 triệu đồng.

Các giao dịch	Tỉ giá
Kí quỹ	
Đầu ngày 5/1/N	15.730
Cuối ngày 5/1/N	15.740
Cuối ngày 6/1/N	15.755
Cuối ngày 7/1/N	15.775
Cuối ngày 8/1/N	15.700
Cuối ngày 9/1/N	15.680
Cuối ngày 10/1/N	15.660
Cuối ngày 11/1/N	15.690
Ngày 11/1/N cũng là ngày thanh toán	

Bài 12

Ngân hàng LSU mua một quyền chọn mua CHF nhằm mục đích đầu cơ. Giá quyền chọn là 0,02 USD/CHF. Giá thực hiện là 0,55 USD/CHF. Dựa vào tỷ giá giao ngay liệt kê trong bảng dưới, hãy tính toán lợi nhuận hoặc lỗ ròng/ 1 CHF của ngân hàng và điền vào cột tương ứng.

Tỷ giá giao ngay có thể của CHF vào ngày đáo hạn	Lãi ròng hoặc lỗ ròng/1 CHF của LSU
0,56 USD/CHF	
0,58 USD/CHF	
0,60 USD/CHF	
0,62 USD/CHF	
0,65 USD/CHF	
0,67 USD/CHF	

Bài 13

Ngân hàng Auburn mua một quyền chọn bán CHF với giá quyền chọn 0,015 USD/CHF. Giá thực thi là 0,66 USD/CHF. Dựa vào tỷ giá giao ngay liệt kê trong bảng dưới đây, hãy tính lợi nhuận hoặc lỗ ròng/1 CHF của ngân hàng và điền vào cột tương ứng.

Tỷ giá giao ngay có thể vào ngày đáo hạn	Lãi ròng hoặc lỗ ròng/1 CHF của Auburn
0,56 USD/CHF	
0,59 USD/CHF	
0,64 USD/CHF	
0,67 USD/CHF	
0,69 USD/CHF	

0,71 USD/CHF

Bài 14

Giả sử tỷ giá giao ngay của ngày hôm nay được yết như sau:

$$\text{GBP/USD} = 1,9809-39$$

$$\text{USD/CHF} = 1,6097-17$$

$$\text{GBP/CHF} = 3,1650-70$$

Căn cứ vào các tỷ giá trên, nếu sử dụng acbit 3 chiều để đầu tư USD có thu lợi được không (nếu chi phí nghiệp vụ bằng 0)? Giải thích tại sao?

Bài 15

Có các thông tin sau:

Tại NH A: $\text{CAD/USD} = 0,90-0,91$

Tại NH B: $\text{CHF/USD} = 0,62-0,63$

Tại NH C: $\text{CAD/CHF} = 1,63-1,65$

Cho biết acbit 3 chiều có thực hiện được không? Tính lợi nhuận đạt được từ hoạt động acbit 3 chiều (nếu có) với số tiền đầu tư là 1000.000 USD, với giả thiết chi phí giao dịch bằng 0.

Bài 16

Ngày 5/10/N, một nhà đầu tư thu thập được các thông tin sau:

Reuter $\text{USD/HKD} = 1,7769-1,7771$

$$\text{GBP/USD} = 2,9185-2,9188$$

NHTM X $\text{GBP/HKD} = 5,1855-5,1857$

Dựa vào thông tin trên, hãy xác định:

1. Có cơ hội kinh doanh acbit không?
2. Biểu diễn kết quả kinh doanh bằng bảng luồng tiền?

Bài 17

Có các thông tin sau:

Tại NH A: $\text{CAD/USD} = 0,90/0,91$

Tại NH B: $\text{CHF/USD} = 0,62/0,63$

Tại NH C: $\text{CAD/CHF} = 1,63/1,65$

Cho biết acbit 3 chiều có thực hiện được không? Tính lợi nhuận đạt được từ hoạt động acbit 3 chiều (nếu có) với số tiền đầu tư là 1000.000 USD, với giả thiết chi phí giao dịch bằng 0.

Bài 18

Tại thời điểm G nhà đầu tư X thu thập được các thông tin sau:

Tại Paris $\text{EUR/JPY} = 123,25-123,50$

Tại Zurich $\text{EUR/CHF} = 1,3550-1,3560$

Tại Singapore $\text{EUR/SGD} = 1,3850-1,3855$

Tại Tokyo $\text{CHF/JPY} = 89,15-89,30$

$$\text{SGD/JPY} = 81,80-81,90$$

Nếu nhà đầu tư X thực hiện nghiệp vụ acbit với số vốn 10 triệu EUR thì lợi nhuận lớn nhất thu được là bao nhiêu?

Tính tương tự với số tiền đầu tư là 1000 triệu JPY?

Biết rằng: chi phí giao dịch bằng 0.

Bài 19

Một NHTM Việt Nam trong tuần từ ngày 2/5/N đến 6/5/N có các giao dịch sau:

GD 1: ngày 3/5 mua spot 100.000 USD, tỉ giá 1USD = 15000 VND

GD 2: ngày 6/5 bán spot 1.426.900.000 VND, tỉ giá 1 USD = 15.020 VND

GD 3: ngày 2/5 vay 500.000 USD, thời hạn 30 ngày, lãi suất 4,2376% /năm

GD 4: ngày 4/5 cho vay 100 tỉ VND, thời hạn 7 ngày, lãi suất 6,7245%/năm

GD 5: ngày 6/5 kí HĐKH 15 ngày mua 100.000 USD, thanh toán bằng EUR, tỉ giá 1 EUR = 1,1237 USD

GD 6: ngày 5/5 kí HĐKH 10 ngày bán 12.000.000 JPY để nhận USD, tỉ giá 1 USD = 120 JPY

GD 7 : ngày 3/5 đi vay 200.000.000 JPY, thời hạn 120 ngày, lãi suất 0,7598% / năm

GD 8 : ngày 6/5 kí HĐKH 12 ngày mua 831.710.000 VND, thanh toán bằng USD, tỉ giá 1 USD = 15.122 VND

Hãy biểu diễn các giao dịch làm phát sinh trạng thái ngoại tệ vào bảng dưới đây và tính tổng trạng thái ngoại hối cuối tuần quy ra VND. Biết rằng ngày giá trị trên thị trường tiền tệ trùng với ngày giao dịch, còn ngày giá trị trên FOREX theo thông lệ. Tỉ giá quy đổi cuối tuần 1 USD = 15.115 VND = 121,12 JPY và 1 EUR = 1,1213 USD

Giao dịch	Ngày giao dịch	Trạng thái ngoại tệ				
		Ngày phát sinh	USD	EUR	JPY	...
GD 1						
GD 2						
GD...						

Bài 20

Công ty xuất nhập khẩu X có khoản phải thu sau 60 ngày 250.000 CHF. Công ty muốn chuyển số CHF thu được sang USD. Dựa vào các thông tin dưới đây, hãy tính toán để tư vấn cho công ty:

1. Nên sử dụng biện pháp phòng ngừa nào nếu tỷ giá giao ngay dự kiến sau 60 ngày là 1CHF = 0,6785 USD.

2. Xác định mức thua lỗ xảy ra với công ty X khi công ty thực hiện phòng ngừa rủi ro hối đoái cho khoản phải thu này bằng hợp đồng kỳ hạn hay hợp đồng quyền chọn, nếu tỷ giá giao ngay thực tế sau 60 ngày là 1 CHF = 0,7354 USD.

Biết rằng:

- Tỷ giá giao ngay 1CHF = 0,6922 USD

- Tỷ giá kỳ hạn 60 ngày 1 CHF = 0,6856 USD

- Giá quyền chọn bán CHF là 0,0059 USD/CHF nếu giá thực thi là 0,68 USD/CHF.
- Giá quyền chọn bán CHF là 0,0144 USD/CHF nếu giá thực thi là 0,70 USD/CHF.

Bài 21

Có một số thông tin sau:

Tỷ giá giao ngay 1USD = 5,5245 CAD

Tỷ giá kỳ hạn 3 tháng 1USD = 5,7315 CAD

Giá quyền chọn mua USD là 0,0715 CAD/USD nếu giá thực thi là 5,5195 CAD/USD

Giá quyền chọn mua USD là 0,0395 CAD/USD nếu giá thực thi là 5,6015 CAD/USD.

Công ty X có khoản phải trả sau 3 tháng là 500.000 USD, và công ty chỉ có CAD, dựa vào các thông tin trên hãy xác định:

1. Công ty nên sử dụng biện pháp phòng ngừa nào nếu tỷ giá giao ngay dự kiến sau 3 tháng 1USD = 5,8245 CAD.
2. Xác định mức thua lỗ xảy ra đối với công ty X khi công ty thực hiện phòng ngừa rủi ro hối đoái cho khoản phải trả trên bằng hợp đồng kỳ hạn hay hợp đồng quyền chọn mua ngoại tệ nếu tỷ giá giao ngay thực tế sau 3 tháng là 1 USD = 5,4515 CAD.

Bài 22

Công ty xuất nhập khẩu X có khoản phải thu sau 60 ngày là 125.000 CHF. Công ty muốn chuyển số CHF thu được sang USD.

Yêu cầu:

1. Hãy tính toán để tư vấn cho công ty X nên sử dụng biện pháp phòng ngừa nào nếu tỷ giá giao ngay dự kiến sau 60 ngày là 1CHF = 0,6542 USD.
2. Xác định mức thua lỗ xảy ra với công ty X khi công ty thực hiện các biện pháp phòng ngừa bằng hợp đồng kỳ hạn hay hợp đồng quyền chọn nếu tỷ giá giao ngay thực tế sau 60 ngày là 1 CHF = 0,69 USD.

Biết rằng:

- Tỷ giá giao ngay hiện tại 1CHF = 0,6900 USD
- Tỷ giá kỳ hạn 60 ngày 1 CHF = 0,6856 USD
- Giá quyền chọn bán CHF là 0,0059 USD/CHF nếu giá thực thi là 0,68 USD /CHF.
- Giá quyền chọn bán CHF là 0,0144 USD/CHF nếu giá thực thi là 0,70 USD/CHF.

Bài 23

Công ty X của Mỹ có một khoản phải trả sau 180 ngày là 300.000 GBP. Tỷ giá giao ngay trên thị trường là 1GBP = 1,65 USD. Tỷ giá kỳ hạn 180 ngày là 1GBP = 1,67 USD. Lãi suất tiền gửi và tiền vay kỳ hạn 180 ngày đối với GBP và USD là 5%/năm và 5,5%/năm. Giá quyền chọn mua GBP kỳ hạn 180 ngày là 0,03 USD/GBP với giá thực

hiện là 1,66 USD/GBP. Giá quyền chọn bán GBP kỳ hạn 180 ngày là 0,02 USD/GBP với giá thực hiện là 1,69 USD/GBP.

Công ty X dự kiến tỷ giá giao ngay GBP / USD sau 180 ngày là:

1,61 với xác suất 20%

1,71 với xác suất 70%

1,75 với xác suất 10%

Yêu cầu: Dựa vào các thông tin trên, hãy tính toán để so sánh các giải pháp phòng ngừa rủi ro hối đoái bằng hợp đồng kỳ hạn, thị trường tiền tệ, quyền chọn tiền tệ và không phòng ngừa, với giả thiết tại thời điểm hiện tại công ty không có tiền dư thừa.

Bài 24

Công ty ABC của Mỹ có khoản phải thu sau 180 ngày là 250.000 CHF. Công ty cần chuyển số CHF thu được sang USD để đáp ứng nhu cầu chi trả trong nước.

Yêu cầu:

1. Hãy tính toán để tư vấn cho công ty ABC nên sử dụng biện pháp phòng ngừa nào nếu tỷ giá giao ngay dự kiến sau 180 ngày là 1CHF = 0,6742 USD.

2. Xác định mức thua lỗ xảy ra với công ty ABC khi công ty phòng ngừa cho khoản phải thu bằng hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng quyền chọn, hay thông qua các nghiệp vụ trên thị trường tiền tệ nếu tỷ giá giao ngay thực tế sau 180 ngày là 1 CHF = 0,71 USD.

Biết rằng:

- Tỷ giá giao ngay hiện tại 1CHF = 0,6900 USD

- Tỷ giá kỳ hạn 180 ngày 1 CHF = 0,6965 USD

- Giá quyền chọn bán CHF là 0,0059 USD/CHF nếu giá thực thi là 0,70 USD/CHF.

- Giá quyền chọn bán CHF là 0,0144 USD/CHF nếu giá thực thi là 0,72 USD/CHF.

- Lãi suất tiền gửi và tiền vay đối với CHF kỳ hạn 180 ngày là 2,4%/ năm và 3%/ năm.

- Lãi suất tiền gửi và tiền vay đối với USD kỳ hạn 180 ngày là 2,8%/ năm và 3,4%/ năm.

Bài 25

Công ty Coca - Cola của Mỹ đang xem xét việc xây dựng một cơ sở sản xuất mới ở miền Trung nước ta nhằm cung cấp trực tiếp sản phẩm cho khu vực này. Trên cơ sở tổng hợp các nguồn tin thu thập được và qua xử lý công ty có một số dự báo sau:

1. Đầu tư ban đầu: 7.000.000 USD

2. Dự kiến dự án hoạt động trong 5 năm

3. Giá cả, nhu cầu về sản phẩm và chi phí biến đổi trên 1 chai như sau:

Năm	Giá 1 chai (VND)	Nhu cầu (chai)	Chi phí biến đổi (VND/chai)
1	1.500	50.000.000	700
2	1.500	50.000.000	700

3	1.600	60.000.000	800
4	1.600	60.000.000	800
5	1.700	70.000.000	900

4. Tổng chi phí cố định mỗi năm là 700.000.000 VND, trong đó chi phí khấu hao tài sản cố định là 400.000.000 VND.

5. Tỷ giá giao ngay giữa USD và VND từ thời điểm dự án bắt đầu hoạt động cho tới khi kết thúc dự án lần lượt là:

Năm	1	2	3	4	5
Tỷ giá	14.000	14.100	14.200	14.200	14.300

6. Chính phủ Việt Nam đánh thuế thu nhập công ty là 25% và thuế chuyển thu nhập ra nước ngoài là 10%. Chi nhánh chuyển đều đặn thu nhập hàng năm về Mỹ và số thu nhập sẽ không bị chính phủ Mỹ đánh thuế.

7. Chính phủ Việt Nam cam kết sẽ mua lại cơ sở sản xuất sau khi dự án kết thúc với số tiền là 500.000.000 VND. (Chính phủ Việt Nam không đánh thuế thu nhập đối với khoản thu nhập này).

8. Công ty yêu cầu mức lợi tức đối với dự án là 15%.

Yêu cầu:

Tính NPV để cho biết dự án trên có tính khả thi hay không? Biết rằng mọi điều kiện khác là thuận lợi đối với dự án?

Nếu mức lợi tức yêu cầu là 20% thì dự án trên có tính khả thi hay không?

Bài 26

Công ty XYZ của Mỹ đang xem xét mở 1 XN sản xuất quần Jean tại Việt Nam. Công ty có một số dự báo sau:

1. Chi phí đầu tư ban đầu 5000.000 USD.

2. Thời gian hoạt động dự kiến 5 năm.

3. Sản lượng tiêu thụ bình quân dự kiến mỗi năm là 500.000 cái.

4. Giá bán sản phẩm (VND/cái) trong các năm từ năm thứ nhất đến năm thứ năm lần lượt là: 200.000, 180.000, 160.000, 150.000, 140.000.

5. Tổng chi phí sản xuất kinh doanh mỗi năm dự kiến là 50.000.000.000 VND trong đó chi phí khấu hao TSCĐ là 10.000.000.000 VND.

6. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ở Việt Nam đối với công ty là 28%, thuế chuyển thu nhập ra nước ngoài là 0%.

7. Thuế suất thuế thu nhập ở Mỹ là 45% nhưng được khấu trừ số thuế thu nhập đã nộp ở Việt Nam.

8. Chính phủ Việt Nam cam kết mua lại cơ sở sản xuất sau khi dự án kết thúc với số tiền là 20.000.000.000 VND và không thu thuế đối với số thu nhập này của công ty.

9. Tỷ giá giữa USD với VND dự kiến là:

Năm	1	2	3	4	5
-----	---	---	---	---	---

Tỷ giá	15.000	15.100	15.200	15.300	15.400
--------	--------	--------	--------	--------	--------

Yêu cầu:

Tính NPV để biết dự án có tính khả thi không, nếu công ty yêu cầu tỷ lệ lợi tức đối với dự án là 15% / năm?

Bài 27

Công ty ABC của Việt Nam đang xem xét mở 1 doanh nghiệp tại Trung Quốc. Công ty có một số dự báo sau:

1. Chi phí đầu tư ban đầu 15.000.000.000 VND.
2. Thời gian hoạt động dự kiến 5 năm.
3. Sản lượng tiêu thụ bình quân dự kiến mỗi năm là 500.000 đvsf.
4. Giá bán bình quân 1 sản phẩm (CNY/sp) trong các năm từ năm thứ nhất đến năm thứ năm lần lượt là: 20, 18, 16, 15, 14.
5. Tổng chi phí sản xuất kinh doanh mỗi năm dự kiến là 5.000.000 CNY trong đó chi phí khấu hao TSCĐ là 1.500.000 CNY.
6. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ở Trung Quốc 25%, thuế chuyển thu nhập ra nước ngoài là 5%.
7. Thuế suất thuế thu nhập ở Việt Nam là 28% nhưng được khấu trừ số thuế thu nhập đã nộp ở Trung Quốc.
8. Chính phủ Trung Quốc cam kết mua lại cơ sở sản xuất sau khi dự án kết thúc với số tiền là 2.000.000 CNY và không thu thuế đối với số thu nhập này của công ty.
9. Tỷ giá giữa CNY với VND dự kiến là:

Năm	1	2	3	4	5
Tỷ giá	2.000	2.100	2.200	2.300	2.400

Yêu cầu:

Tính NPV để biết dự án có tính khả thi không, nếu công ty yêu cầu tỷ lệ lợi tức đối với dự án là 15% / năm.

Bài 28

Một NHTM có nhu cầu đi vay một lượng tiền 100.000 triệu đồng, thời hạn 9 tháng. NHTM cân nhắc và quyết định đi vay tiền trên thị trường tiền tệ. Các thông số trên thị trường như sau:

- Tỷ giá giao ngay USD/VND = 15.482-15.490
- Tỷ giá kỳ hạn 9 tháng USD/VND = 15.824 -15.836
- Lãi suất 9 tháng của VND: 6,85-7,97% / năm
- Lãi suất 9 tháng của USD: 3,82-4,79% / năm

Yêu cầu:

1. Xác định đồng tiền đi vay hiệu quả nhất?
2. Tính gốc và lãi phải trả cho phương án tốt nhất?

Bài 29

Một công ty đang có nhu cầu vay 100.000 USD. Thời gian cho vay 1 năm. Ngân hàng ABC sẵn sàng đáp ứng nhu cầu vay của khách hàng với lãi suất 4,5%/năm. Toàn bộ khoản vay được cấp 1 lần và trả nợ 1 lần.

Yêu cầu:

1. Xác định tỉ lệ thu nhập công ty được hưởng nếu công ty vay vốn ngân hàng để đầu tư vào dự án có tỷ lệ thu nhập (trước lãi vay) trên vốn đầu tư là 15%. Giả thiết dự án được đầu tư 100% bằng vốn vay.

2. Giả sử tỷ giá giao ngay khi nhận tiền vay là USD/VND = 18.000-18.015 và tỷ giá giao ngay khi trả nợ vay là USD/VND = 18.500-18.520 thì lãi suất tài trợ hiệu quả của khoản tín dụng trên là bao nhiêu nếu sau khi vay công ty đổi tiền vay thành VND để kinh doanh?

Bài 30

Công ty ABC đang có nhu cầu vay 50 triệu JPY để đầu tư trái phiếu. Ngân hàng XYZ sẵn sàng đáp ứng nhu cầu vay của khách hàng với các điều kiện sau:

- Lãi suất vay 6,5%/năm

- Thời gian cho vay 1 năm. Toàn bộ khoản vay được cấp 1 lần và trả nợ 1 lần.

Yêu cầu:

1. Xác định tỷ lệ tiền lãi công ty có thể thu hồi được nếu công ty chấp nhận khoản vay này và sử dụng số tiền đó để đầu tư trái phiếu JPY 1 năm, lãi suất cố định 10%/năm và được trả khi trái phiếu đến hạn thanh toán (thời hạn thanh toán trái phiếu phù hợp với thời gian trả nợ vay). Mệnh giá trái phiếu là 100 JPY. Giá bán trái phiếu trên thị trường hiện tại là 98 JPY.

2. Giả sử tỷ giá giao ngay khi nhận tiền vay là JPY/VND = 125-135. Tỷ giá giao ngay dự kiến khi hoàn trả tiền vay là JPY/VND = 131-139 thì lãi suất tài trợ hiệu quả của khoản tín dụng trên là bao nhiêu nếu sau khi vay công ty chuyển đổi số tiền vay thành VND để đáp ứng nhu cầu kinh doanh trong nước bằng VND.

3. Tư vấn công ty nên vay JPY hay VND để đầu tư trái phiếu VND, nếu lãi suất vay VND trên thị trường là 7,5%/năm (với giả thiết các điều kiện vay khác đối với VND cũng giống điều kiện vay JPY nêu trên).

Bài 31

Công ty ABC đang có nhu cầu vay 1 triệu EUR. Ngân hàng XYZ sẵn sàng đáp ứng nhu cầu vay của khách hàng với các điều kiện sau:

- Lãi suất vay 5,5%/năm.

- Thời gian cho vay 1 năm. Toàn bộ khoản vay được cấp 1 lần và trả nợ 1 lần.

Yêu cầu:

1. Xác định tỷ lệ tiền lãi công ty có thể thu được nếu công ty chấp nhận khoản vay này và sử dụng số tiền đó để đầu tư trái phiếu EUR kỳ hạn 1 năm, lãi suất cố định 8%/năm và được trả khi trái phiếu đến hạn thanh toán. Mệnh giá trái phiếu là 100 EUR. Thị giá trái phiếu trên thị trường hiện hành là 95 EUR?

2. Giả sử tỷ giá giao ngay khi nhận tiền vay là EUR/VND = 15.100-15.150. Tỷ giá kỳ hạn 1 năm là EUR/VND = 17.500-17.550 thì lãi suất tài trợ hiệu quả của khoản tín

dụng trên là bao nhiêu nếu công ty sử dụng số tiền vay này để đầu tư trái phiếu VND?

3. Tư vấn cho công ty nên vay EUR hay VND để kinh doanh tại Việt Nam, nếu lãi suất cho vay VND trên thị trường là 10%/năm (với giả thiết các điều kiện vay VND tương tự các điều kiện vay EUR nêu trên)?

4. Trên thị trường Việt Nam hiện đang có trái phiếu BIDV được giao dịch với giá 110.000 VND/ trái phiếu. Trái phiếu này có thời hạn 5 năm, đã lưu hành được 4 năm, mệnh giá 100.000 VND, lãi suất 10%/ năm, lãi trả sau cùng với mệnh giá. Hãy tính toán để quyết định vay EUR để đầu tư trái phiếu EUR kì hạn 1 năm (nêu trong mục 1) hay đầu tư trái phiếu BIDV?